

HOÀN THIỆN THẺ CHẾ DỮ LIỆU SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

● NGUYỄN HỮU DANH

Học viện Hành chính và Quản trị công

Email: danhn9@gmail.com

DOI: 10.62831/nckh.2026.161.v1

TÓM TẮT:

Thẻ chế dữ liệu số (DLS) ở Việt Nam đang được hoàn thiện đồng bộ, coi dữ liệu là tài sản chiến lược và tư liệu sản xuất chủ yếu của nền kinh tế. Tuy nhiên, thẻ chế này còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Bài viết tập trung phân tích thực trạng thẻ chế DLS ở Việt Nam hiện nay; từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện thẻ chế này ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: chuyển đổi số, dữ liệu số, kinh tế số, kỷ nguyên mới, thẻ chế.

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và tiến trình chuyển đổi số quốc gia, DLS đang trở thành nguồn tài nguyên chiến lược, giữ vai trò quan trọng trong xây dựng nền kinh tế số, xã hội số và chính phủ số. Ở Việt Nam, quá trình xây dựng, khai thác và chia sẻ DLS đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển các mô hình kinh doanh mới. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy thẻ chế DLS vẫn còn nhiều hạn chế như thiếu đồng bộ trong hệ thống pháp luật, cơ chế chia sẻ dữ liệu chưa hiệu quả, hạ tầng dữ liệu còn phân tán, vấn đề bảo mật và bảo vệ dữ liệu cá nhân còn nhiều bất cập. Những hạn chế này đang trở thành rào cản đối với quá trình chuyển đổi số và phát triển bền vững. Vì vậy, nghiên cứu hoàn thiện thẻ chế DLS ở Việt Nam hiện nay có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhận thức chung về thẻ chế dữ liệu số

Thẻ chế DLS được hiểu là tổng thể các quan điểm, nguyên tắc, quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách và phương thức tổ chức thực hiện nhằm điều chỉnh các hoạt động tạo lập, thu thập, lưu trữ, chia sẻ, khai thác, bảo vệ và sử dụng dữ liệu trong môi trường số. Ở góc độ quản trị, nhiều nghiên cứu cho thấy, quản trị dữ liệu là “tập hợp các thủ tục, chính sách, quy tắc và quy trình” nhằm bảo đảm tính sẵn sàng, khả dụng, an toàn và chất lượng của dữ liệu trong tổ chức” [4].

Cấu trúc của thẻ chế DLS là tổng thể các thành tố pháp lý, tổ chức, kỹ thuật và cơ chế vận hành được thiết lập nhằm điều chỉnh toàn bộ vòng đời dữ liệu trong môi trường số. Theo Cục Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc (United Nations Department of Economic and Social Affairs - UN DESA) - cơ quan thuộc Ban Thư ký Liên hợp quốc, khung quản trị

DLS gồm 4 trụ cột cơ bản: chính sách (policy), thiết chế (institutions), con người (people) và quy trình (processes); và 6 yếu tố vận hành gồm: tiêu chuẩn dữ liệu, chia sẻ và liên thông dữ liệu, an ninh dữ liệu, quyền riêng tư dữ liệu, hạ tầng dữ liệu và định danh số [9]. Từ cách tiếp cận này, cấu trúc của thể chế DLS thành các bộ phận cơ bản sau:

Hệ thống pháp luật và chính sách DLS. Đây là bộ phận trung tâm của thể chế DLS, bao gồm các quy định pháp lý điều chỉnh hoạt động thu thập, lưu trữ, xử lý, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu. Bộ phận này xác lập quyền sở hữu, quyền tiếp cận, trách nhiệm quản lý dữ liệu và cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo Michael Brackett, Stephanie Earley, Michael Mosley (2017), quản trị dữ liệu phải dựa trên hệ thống chính sách, tiêu chuẩn và quy trình thống nhất để bảo đảm dữ liệu được quản lý an toàn, tin cậy và hiệu quả [4].

Thiết chế và chủ thể quản trị dữ liệu. Đây là hệ thống các cơ quan, tổ chức và chủ thể tham gia quản lý, vận hành và giám sát DLS. Cấu trúc này bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cung cấp hạ tầng dữ liệu, doanh nghiệp công nghệ, cùng các chủ thể sở hữu và sử dụng dữ liệu. Nghiên cứu của Rene Abraham, Johannes Schneider và Jan vom Brocke (2019) khẳng định: quản trị dữ liệu phải được tổ chức thông qua cơ chế phân quyền, trách nhiệm và giám sát rõ ràng nhằm bảo đảm hiệu quả ra quyết định đối với dữ liệu [8].

Hạ tầng kỹ thuật và tiêu chuẩn dữ liệu. Đây là nền tảng công nghệ phục vụ việc hình thành, kết nối và khai thác DLS. Bộ phận này bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu, hệ thống định danh điện tử và các tiêu chuẩn kỹ thuật bảo đảm tính liên thông dữ liệu. Theo OECD, dữ liệu chỉ thực sự trở thành nguồn lực phát triển khi được đặt trong hệ sinh thái hạ tầng số thống nhất, có khả năng chia sẻ và kết nối liên ngành [5].

Cơ chế bảo đảm an toàn, an ninh và quyền riêng tư dữ liệu. Đây là thành tố không thể thiếu của thể chế DLS trong bối cảnh gia tăng các nguy cơ rò rỉ dữ

liệu, tấn công mạng và lạm dụng thông tin cá nhân. Cơ chế này bao gồm quy định về bảo mật dữ liệu, kiểm soát truy cập, quản trị rủi ro, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư. UN DESA xác định bảo mật và quyền riêng tư dữ liệu là 2 yếu tố cốt lõi của quản trị DLS hiện đại [9].

Cơ chế chia sẻ, khai thác và phát triển thị trường dữ liệu. Đây là bộ phận bảo đảm dữ liệu được lưu thông và tạo ra giá trị kinh tế - xã hội. Cơ chế này quy định việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân; đồng thời hình thành các nguyên tắc về khai thác dữ liệu mở, thương mại hóa dữ liệu và phát triển kinh tế dữ liệu. Nhiều nghiên cứu nhận định dữ liệu ngày càng trở thành “tư liệu sản xuất mới” của nền kinh tế số, do đó thể chế dữ liệu cần hướng tới cân bằng giữa bảo vệ chủ quyền dữ liệu và thúc đẩy đổi mới sáng tạo [2].

2.2. Thực trạng thể chế DLS ở Việt Nam hiện nay

Về hệ thống pháp luật và chính sách DLS, Việt Nam đã từng bước hình thành khuôn khổ pháp lý tương đối đồng bộ cho phát triển DLS. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định nhiệm vụ: “Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” [1]. Hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến DLS ngày càng được hoàn thiện như: Luật An ninh mạng năm 2018, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Viễn thông năm 2023, Luật An ninh mạng năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026); Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ DLS của cơ quan nhà nước. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để điều chỉnh hoạt động thu thập, xử lý, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu trong môi trường số. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về DLS vẫn còn nhiều bất cập. Quy định về quyền

sở hữu dữ liệu, định giá dữ liệu, thương mại hóa dữ liệu và trách nhiệm pháp lý trong chia sẻ dữ liệu chưa đầy đủ; nhiều quy định còn chồng chéo giữa các lĩnh vực công nghệ thông tin, an ninh mạng, viễn thông và bảo vệ bí mật nhà nước. Cơ chế thực thi pháp luật còn thiếu đồng bộ, đặc biệt trong xử lý vi phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân và chia sẻ dữ liệu liên ngành.

Về thiết chế và chủ thể quản trị dữ liệu, Việt Nam đã hình thành hệ thống quản trị DLS từ trung ương đến địa phương với sự tham gia của nhiều cơ quan nhà nước, doanh nghiệp công nghệ và tổ chức xã hội. Chính phủ đã phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia nhằm tạo nên trụ cột quan trọng phục vụ quá trình chuyển đổi số quốc gia, hỗ trợ đắc lực và hiện đại hóa công tác quản lý xã hội. Tháng 2/2025, Bộ Công an chính thức ra mắt Trung tâm Dữ liệu quốc gia cấp cục; đến tháng 8/2025 đã khai trương Trung tâm Dữ liệu quốc gia số 1 với tổng mức đầu tư hơn 16.800 tỷ đồng, được đánh giá là một trong những trung tâm dữ liệu hiện đại nhất Đông Nam Á [7]. Hệ thống quản trị DLS đã mở rộng từ trung ương xuống địa phương thông qua cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông. Quá trình xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia đã có sự tham gia của nhiều bộ, ngành và chính quyền địa phương, trong đó nhiều cơ sở dữ liệu đã được kết nối, liên thông nhằm phục vụ cải cách thủ tục hành chính và phát triển Chính phủ số. Các doanh nghiệp công nghệ lớn trong nước tham gia trực tiếp vào phát triển hạ tầng và vận hành hệ sinh thái DLS quốc gia. Trong dự án Trung tâm Dữ liệu quốc gia số 1, FPT cùng liên danh Aurecon và TwoG tham gia tư vấn thiết kế, góp phần giúp trung tâm đạt chứng chỉ quốc tế Uptime Tier IV - tiêu chuẩn cao nhất đối với trung tâm dữ liệu. Các tập đoàn công nghệ như Viettel, VNPT, CMC Corporation cũng đang vận hành nhiều trung tâm dữ liệu, nền tảng điện toán đám mây và hệ thống tích hợp dữ liệu phục vụ cơ quan nhà nước và địa phương. Hệ sinh thái DLS không chỉ giới hạn trong khu vực công mà còn có sự tham gia của các trường đại học, viện nghiên

cứu, tổ chức xã hội và cộng đồng công nghệ thông qua các chương trình nghiên cứu, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển AI và khoa học dữ liệu phục vụ quản trị công, đô thị thông minh và dịch vụ công số.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể quản trị dữ liệu vẫn còn phân tán, cục bộ và thiếu tính liên thông. Tình trạng “sở hữu cục bộ dữ liệu” giữa các bộ, ngành và địa phương còn khá phổ biến, dẫn tới khó khăn trong chia sẻ và khai thác dữ liệu dùng chung. Nguồn nhân lực chất lượng cao về quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu và an ninh dữ liệu còn thiếu hụt; năng lực quản trị dữ liệu của nhiều cơ quan chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Về hạ tầng kỹ thuật và tiêu chuẩn dữ liệu, Việt Nam đã có bước tiến đáng kể trong phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu quốc gia. Các nền tảng số quốc gia, trung tâm dữ liệu, hạ tầng viễn thông và điện toán đám mây được đầu tư mạnh mẽ. Việt Nam hiện đã xây dựng nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng như cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, bảo hiểm, đăng ký doanh nghiệp và tài chính. Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) của Việt Nam năm 2024 đạt 0,7709 điểm, xếp thứ 71/193 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2022 và lần đầu tiên được xếp vào nhóm các nước có chỉ số “rất cao” [6]. Đây là dấu hiệu cho thấy, hạ tầng số và năng lực cung cấp dịch vụ số của Việt Nam đang có bước phát triển tích cực. Tuy nhiên, hạ tầng DLS vẫn chưa đồng bộ và còn chênh lệch lớn giữa các ngành, địa phương. Việc chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng mã định danh thống nhất và liên thông dữ liệu còn hạn chế. Năng lực lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn và khai thác trí tuệ nhân tạo còn hạn chế so với yêu cầu phát triển kinh tế số. Một số địa phương còn thiếu nguồn lực đầu tư cho trung tâm dữ liệu và hạ tầng điện toán đám mây.

Về cơ chế bảo đảm an toàn, an ninh và bảo vệ dữ liệu cá nhân, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý và năng lực bảo vệ an ninh mạng. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân là bước tiến quan trọng trong việc xác lập

quyền của chủ thể dữ liệu và trách nhiệm của tổ chức xử lý dữ liệu. Hệ thống an ninh mạng quốc gia được củng cố; nhiều cơ quan, doanh nghiệp đã triển khai trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC), hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các nguy cơ tấn công mạng. Dù vậy, nguy cơ rò rỉ dữ liệu cá nhân và mất an toàn thông tin vẫn diễn biến phức tạp. Tình trạng mua bán dữ liệu cá nhân trên không gian mạng còn xảy ra phổ biến; nhận thức của người dân và doanh nghiệp về bảo vệ dữ liệu còn hạn chế. Chế tài xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe; cơ chế kiểm tra, giám sát việc sử dụng dữ liệu cá nhân chưa hiệu quả.

Về cơ chế chia sẻ, khai thác và phát triển thị trường dữ liệu, Việt Nam đã thúc đẩy mạnh mẽ việc cung cấp dữ liệu mở và phát triển các nền tảng số phục vụ người dân, doanh nghiệp. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến quốc gia, cơ chế kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước bước đầu được hình thành. Nhiều doanh nghiệp công nghệ số đã khai thác dữ liệu để phát triển các dịch vụ tài chính số, thương mại điện tử, logistics, giáo dục và y tế thông minh. Theo đánh giá của Liên hợp quốc, chỉ số dữ liệu mở của Chính phủ (OGDI) của Việt Nam năm 2024 đạt 0,7436 điểm, xếp thứ 77/193 quốc gia, tăng 10 bậc so với năm 2022 [3]. Tuy nhiên, thị trường dữ liệu ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn sơ khai. Việc chia sẻ dữ liệu giữa khu vực công và khu vực tư còn hạn chế; cơ chế định giá, giao dịch và thương mại hóa dữ liệu chưa rõ ràng. Đồng thời, việc cân bằng giữa mở rộng chia sẻ dữ liệu với bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia và quyền riêng tư cá nhân vẫn là thách thức lớn trong bối cảnh toàn cầu hóa dữ liệu hiện nay.

2.3. Một số giải pháp hoàn thiện thể chế DLS ở Việt Nam thời gian tới

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về DLS theo hướng đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thông lệ quốc tế. Trọng tâm là sớm xây dựng và ban hành Luật Dữ liệu với vai trò là đạo luật khung điều chỉnh thống nhất các quan hệ liên quan đến DLS; quy định rõ quyền sở hữu, quyền khai thác,

chia sẻ, chuyển giao và thương mại hóa dữ liệu; xác định trách nhiệm của các chủ thể tham gia quản lý và xử lý dữ liệu. Đồng thời, cần rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định còn chồng chéo giữa pháp luật về công nghệ thông tin, viễn thông, an ninh mạng, giao dịch điện tử và bảo vệ bí mật nhà nước nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Việt Nam cần từng bước tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị dữ liệu xuyên biên giới và chủ quyền dữ liệu quốc gia trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng.

Thứ hai, xây dựng cơ chế quản trị DLS thống nhất, liên thông từ trung ương đến địa phương. Hiện nay, tình trạng phân tán, cục bộ dữ liệu giữa các bộ, ngành và địa phương vẫn là rào cản lớn đối với quá trình chuyển đổi số. Vì vậy, cần xác lập cơ chế điều phối dữ liệu quốc gia đủ mạnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả dữ liệu dùng chung. Trọng tâm là hoàn thiện mô hình Trung tâm Dữ liệu quốc gia; xây dựng cơ chế phân quyền, phối hợp và giám sát rõ ràng giữa các cơ quan quản lý dữ liệu; chuẩn hóa quy trình thu thập, cập nhật và chia sẻ dữ liệu. Đẩy mạnh xây dựng văn hóa quản trị dựa trên dữ liệu trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, chuyển mạnh từ phương thức quản lý hành chính truyền thống sang quản trị số dựa trên phân tích dữ liệu và ra quyết định theo thời gian thực. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học dữ liệu, an ninh mạng và quản trị dữ liệu nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành hệ sinh thái dữ liệu quốc gia.

Thứ ba, phát triển đồng bộ hạ tầng DLS và các nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Trọng tâm là hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, giáo dục và y tế theo hướng đồng bộ, liên thông và cập nhật theo thời gian thực. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn dữ liệu thống nhất trên phạm vi quốc gia; áp dụng mã định danh số chung để tăng khả năng tích hợp và khai thác dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực. Việt Nam cũng cần thúc đẩy phát triển hạ tầng dữ liệu mở, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người

dân tiếp cận, khai thác dữ liệu phục vụ đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số.

Thứ tư, tăng cường bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong bối cảnh các nguy cơ tấn công mạng, rò rỉ dữ liệu và lạm dụng thông tin cá nhân ngày càng gia tăng, đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với hoàn thiện thể chế DLS. Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và quản trị rủi ro dữ liệu; xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liên quan đến dữ liệu. Đầu tư phát triển hệ thống giám sát an ninh mạng quốc gia, trung tâm điều hành an toàn thông tin và các nền tảng cảnh báo sớm nguy cơ tấn công mạng. Bên cạnh giải pháp kỹ thuật, cần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ quản lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng dữ liệu an toàn trong môi trường số. Việt Nam cần chủ động tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế về an ninh dữ liệu và quản trị dữ liệu xuyên biên giới nhằm bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia.

Thứ năm, thúc đẩy phát triển thị trường dữ liệu và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu. Dữ liệu chỉ thực sự phát huy giá trị khi được khai thác hiệu quả để tạo ra sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ chế chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa khu vực công và khu

vực tư; xây dựng khung pháp lý về định giá, giao dịch và thương mại hóa dữ liệu; thúc đẩy phát triển dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây và các nền tảng phân tích dữ liệu phục vụ sản xuất, kinh doanh và quản trị xã hội. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận DLS, phát triển dịch vụ số và tham gia hệ sinh thái kinh tế dữ liệu. Bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát triển thị trường dữ liệu với yêu cầu bảo vệ quyền riêng tư, chủ quyền dữ liệu và lợi ích quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh số toàn cầu ngày càng gay gắt.

3. Kết luận

Hoàn thiện thể chế DLS ở Việt Nam hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nâng cao năng lực quản trị quốc gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Thời gian qua, Việt Nam đã đạt nhiều kết quả tích cực trong xây dựng hành lang pháp lý, phát triển hạ tầng dữ liệu và thúc đẩy chia sẻ DLS. Tuy nhiên, thể chế DLS vẫn còn những hạn chế về tính đồng bộ pháp luật, liên thông dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phát triển thị trường dữ liệu. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực quản trị dữ liệu, phát triển hạ tầng số hiện đại và bảo đảm an ninh dữ liệu nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

1. Bộ Chính trị (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024, về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội.
2. Carol Corrado, Jonathan Haskel, Massimiliano Iommi, Cecilia Jona-Lasinio (2021). Measuring Data as an Asset: Framework, Methods and Preliminary Estimates. OECD Economics Department Working Papers No. 1731.
3. Department of Economic and Social Affairs (2024). E-Government Survey 2024: Technical Appendix. United Nations, New York.
4. Michael Brackett, Stephanie Earley, Michael Mosley (2017). DAMA Guide to the Data Management Body of Knowledge (DAMA-DMBOK2). Technics Publications, Bradley Beach, New Jersey, USA.
5. OECD (2024). Data Flows and Governance. OECD Publishing, Paris.

6. Hoàng Phong (2025). Việt Nam vươn lên thứ 71/193 về Chính phủ điện tử. Truy cập tại <https://cand.com.vn/su-kien-binh-luan-thoi-su/viet-nam-vuon-len-thu-71-193-ve-chinh-phu-dien-tu-i758357/>.
7. Minh Hiền (2025). Ra mắt Trung tâm sáng tạo, khai thác dữ liệu và Phòng an ninh, an toàn hệ thống. Truy cập tại <https://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/ra-mat-trung-tam-sang-tao-khai-thac-du-lieu-va-phong-an-ninh-an-toan-he-thong-i773737/>.
8. Rene Abraham, Johannes Schneider và Jan vom Brocke (2019). Data Governance: A Conceptual Framework, Structured Review, and Research Agenda. *International Journal of Information Management*, 49.
9. UN DESA (2020). E-Government Survey 2020: Digital Government in the Decade of Action for Sustainable Development. United Nations, New York.

Ngày nhận bài: 2/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 18/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 3/4/2026

IMPROVING THE INSTITUTIONAL FRAMEWORK FOR DIGITAL DATA SYSTEM IN VIETNAM

● **NGUYEN HUU DANH**

Academy of Public Administration and Governance

Email: danhnh9@gmail.com

ABSTRACT:

Vietnam's digital data system is undergoing comprehensive development, with data increasingly recognized as a strategic asset and a key factor of production for the economy. However, the system continues to face various limitations and shortcomings. This study analyzes the current state of Vietnam's digital data system and, on that basis, proposes several solutions to improve and strengthen the system in the future.

Keywords: digital transformation, digital data, digital economy, new era, institutions.